

Số: 386/QĐ-THTP

Uông Bí, ngày 02 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai dự toán Thu - Chi NSNN quý III năm 2024
của trường Tiểu học Trần Phú**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC TRẦN PHÚ

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 7388/QĐ-UBND ngày 20/12/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Uông Bí về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; Dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 25/QĐ-PGDĐT ngày 05/01/2024 của PGD&ĐT thành phố Uông Bí về việc giao Dự toán Thu - Chi ngân sách năm 2024;

Quyết định số 1131/QĐ-PGDĐT ngày 20/9/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về việc cắt giảm, tiết kiệm 5% chi thường xuyên năm 2024 của ngành giáo dục theo Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 07/8/2024 của Chính phủ;

Xét đề nghị của Tổ văn phòng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán Thu - Chi NSNN quý III năm 2024 của trường Tiểu học Trần Phú.

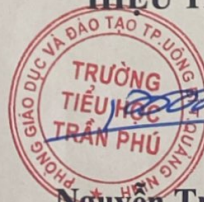
Điều 2. Thời gian công khai kể từ ngày 03/10/2024 đến hết ngày 02/01/2025.

Điều 3. Các ông (bà) Ban giám hiệu, kế toán, các tổ chuyên môn và toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên căn cứ quyết định thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Trung Dũng

Uông Bí, ngày 03 tháng 10 năm 2024

BIÊN BẢN

**Về việc niêm yết công khai dự toán Thu - Chi NSNN quý III năm 2024
của trường Tiểu học Trần Phú**

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-TBTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính Hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với các đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-TBTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư 61/2017/TT-TBTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 7388/QĐ-UBND ngày 20/12/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Uông Bí về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; Dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 25/QĐ-PGDĐT ngày 05/01/2024 của PGD&ĐT thành phố Uông Bí về việc giao Dự toán Thu - Chi ngân sách năm 2024;

Quyết định số 1131/QĐ-PGDĐT ngày 20/9/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về việc cắt giảm, tiết kiệm 5% chi thường xuyên năm 2024 của ngành giáo dục theo Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 07/8/2024 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 386/QĐ-THTP ngày 02/10/2024 của trường Tiểu học Trần Phú về việc công bố công khai dự toán thu - chi NSNN quý III năm 2024.

Hôm nay, vào hồi 9h20' ngày 03/10/2024, tại trường Tiểu học Trần Phú.

1. Thành phần:

- Toàn bộ CB - GV - NV nhà trường: 44/44 đ/c vắng: 0
- Chủ trì: Đ/c Nguyễn Trung Dũng - Chức vụ: Hiệu trưởng
- Đại diện Công đoàn: Đ/c Đỗ Thị Thanh Hòa - Chức vụ: Chủ tịch công đoàn
- Đại diện Ban TTND: Đ/c Lê Thị Nhung - Trưởng ban TTND
- Đại diện tổ Tài chính: Đ/c Nguyễn Thị Hạnh - Chức vụ: Kế toán
- Người ghi biên bản: Trần Thị Duyên - Chức vụ: Thư ký

2. Nội dung:

2.1. Tiến hành niêm yết công khai dự toán thu - chi NSNN quý III năm 2024 của trường Tiểu học Trần Phú (kèm theo bản dự toán thu - chi ngân sách quý III năm 2024 của trường Tiểu học Trần Phú).

2.2. Thời gian niêm yết: Kể từ ngày 03/10/2024 đến hết ngày 02/01/2025

2.3. Địa điểm niêm yết: Tại bảng thông báo của trường Tiểu học Trần Phú, phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

3. Trong thời gian niêm yết nếu tổ chức, cá nhân nào có ý kiến về nội dung dự toán Thu - Chi ngân sách cắt giảm, tiết kiệm 5% chi thường xuyên năm 2024 của trường Tiểu học Trần Phú, đề nghị gửi kiến nghị về Trường (qua Đ/C Lê Thị Nhung - Chức vụ: Giáo viên, Trường ban TTND – SĐT: 0774225899) để giải quyết theo quy định.

Đề nghị bộ phận Bảo vệ của trường thực hiện việc bảo đảm an toàn dự toán thu - chi NSNN cắt giảm, tiết kiệm 5% chi thường xuyên năm 2024 của trường Tiểu học Trần Phú từ khi niêm yết đến khi kết thúc niêm yết.

Việc tiến hành niêm yết công khai được kết thúc vào hồi 9h40' cùng ngày. Biên bản được lập thành 02 (hai) bản để lưu hồ sơ tại trường và công khai.

THƯ KÝ TRƯỞNG BAN TTND KẾ TOÁN ĐDBCH CHỦ TRÌ
CÔNG ĐOÀN HIỆU TRƯỞNG

Unge

Imma

Utah

NG ĐOÀN
NG TIỂU H
RẦN PH

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

Trần Thị Duyên

Lê Thị Nhung

Nguyễn Thị Hạnh

Đỗ T. Thanh Hòa

Nguyễn Trung Dũng



Đơn vị: Trường TH Trần Phú

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Chương: 622 - Loại: 070 - Khoản: 072

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mã QHNS: 1067400

Uông Bí, ngày 03 tháng 10 năm 2024

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ III NĂM 2024

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Trường Tiểu học Trần Phú công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách Nhà nước quý III năm 2024 như sau:

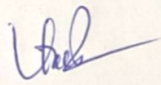
ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2024	Thực hiện quý III/năm 2024	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				0
I	Tổng số thu				
1	Số thu phí, lệ phí				
2	Thu hoạt động sản xuất, cung ứng dịch vụ		-		
2.1			-		
II	Chi từ nguồn thu được để lại				
1	Số chi phí, lệ phí				
2	Chi hoạt động sản xuất, cung ứng dịch vụ		-		
2.1			-		
3	Thu sự nghiệp khác				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	9.244.750.000	2.238.475.948	0,242	
I	Nguồn ngân sách trong nước	9.244.750.000	2.238.475.948	0,242	
1	Chi quản lý hành chính	9.244.750.000	2.238.475.948	0,242	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	8.405.470.000	2.224.350.948	0,265	
1.1.1	Các nhiệm vụ phục vụ cho giáo dục, đào tạo, giáo dục nghề nghiệp khác		2.224.350.948		
	Mục 6000: Tiền lương		1.021.734.000		
	- TM: 6001: Lương theo ngạch, bậc		994.734.000		
	- TM: 6051: Lương hợp đồng theo chế độ		27.000.000		
	Mục 6100: Phụ cấp lương		603.877.716		
	- TM: 6101: Phụ cấp chức vụ		15.093.000		
	- TM: 6102: Phụ cấp khu vực		117.000.000		
	- TM: 6112: Phụ cấp ưu đãi nghề		343.955.430		
	- TM: 6113: Phụ cấp trách nhiệm		2.808.000		
	- TM: 6115: PC TNVK, Thâm niên nghề		125.021.286		
	Mục: 6200: Tiền thưởng		0		
	TM: 6249: Thưởng khác				
	Mục: 6250: Phúc lợi tập thể		4.965.000		
	TM: 6254: Tiền khám bệnh định kỳ				
	- TM: 6299: Chi khác		4.965.000		
	Mục: 6300: Các khoản đóng góp		269.509.347		

ST TT	Nội dung	Dự toán năm 2024	Thực hiện quý III/năm 2024	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	- TM: 6301: Bảo hiểm xã hội		200.698.450		
	- TM: 6302: Bảo hiểm y tế		34.405.448		
	- TM: 6303: Kinh phí công đoàn		22.936.966		
	- TM: 6304: Bảo hiểm thất nghiệp		11.468.483		
	Mục: 6400: Các khoản thanh toán khác cho cá nhân		74.912.000		
	TM: 6404: Tạm ứng TNNT 6 tháng đầu năm		71.600.000		
	TM: 6449: Chi khác		3.312.000		
	Mục: 6500: Thanh toán dịch vụ công cộng		14.828.685		
	- TM: 6501: Tiền điện		12.897.525		
	- TM: 6502: Tiền nước		1.931.160		
	TM: 6504: Thanh toán tiền vệ sinh, môi trường				
	Mục: 6550: Vật tư văn phòng		45.830.000		
	- TM: 6551: Văn phòng phẩm		18.080.000		
	- TM: 6552: Mua sắm CCDC VP				
	- TM: 6553: Khoản VPP		12.300.000		
	- TM: 6599: Vật tư văn phòng khác		15.450.000		
	Mục: 6600: Thông tin, tuyên truyền, liên lạc		1.059.200		
	- TM: 6605: cước phí Internet, thuê đường truyền mạng		330.000		
	- TM: 6608: Sách, báo, tạp chí thư viện		729.200		
	Mục: 6700: Công tác phí		6.025.000		
	TM: 6701: Tiền vé máy bay, tàu, xe		500.000		
	TM: 6702: Phụ cấp công tác phí				
	TM: 6703: Tiền thuê phòng ngủ		4.025.000		
	TM: 6704: Khoản công tác phí		1.500.000		
	Mục: 6750: Chi thuê mướn		74.640.000		
	TM: 6757: Thuê lao động trong nước		74.640.000		
	TM: 6799: Chi thuê mướn khác				
	Mục 6900: Sửa chữa tài sản, cơ sở hạ tầng		27.415.000		
	TM: 6907: Nhà cửa				
	TM: 6912: Thiết bị CNTT		5.605.000		
	TM: 6913: Tài sản và TB văn phòng				
	TM : 6921: Đường điện, cấp thoát nước		21.810.000		
	TM: 6949: Các tài sản và công trình cơ sở hạ tầng khác				
	Mục: 7000: Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của ngành		35.268.000		
	TM: 7001: Chi mua hàng hóa, vật tư dùng cho chuyên môn của từng ngành				
	TM: 7004: Đồng phục, trang phục				
	TM: 7049: Chi phí khác		35.268.000		
	Mục: 7050: Mua sắm tài sản vô hình		4.000.000		
	TM: 7053: Mua bảo trì phần mềm công nghệ thông tin		4.000.000		
	Mục: 7750: Chi khác		40.287.000		
	TM: 7756: Chi các khoản phí và lệ phí của đơn vị dự toán				
	TM: 7757: Bảo hiểm tài sản và phương tiện				
	TM: 7799: Chi các khoản khác		40.287.000		

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2024	Thực hiện quý III/năm 2024	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1.1.2	Quản lý nhà nước				
	Tiền lương				
	Phụ cấp lương				
	Các khoản đóng góp				
	Thanh toán dịch vụ công cộng				
	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc				
	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng				
	Chi khác				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	839.280.000	14.125.000	0,02	
	Các nhiệm vụ phục vụ cho giáo dục, đào tạo, giáo dục nghề nghiệp khác		14.125.000		
1.2.1	Mục: 6100: Phụ cấp lương		0		
	TM: 6149: Phụ cấp khác				
	Mục 6150: Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học		0		
	TM: 6157: trợ cấp ưu đãi học tập cho đối tượng chính sách				
	Mục 6200: Tiền thưởng		0		
	TM: 6249: Tiền thưởng khác				
	Mục 6550: Vật tư văn phòng		14.125.000		
	TM: 6599: Vật tư văn phòng khác		14.125.000		
	Mục 6600: Thông tin, tuyên truyền, liên lạc		0		
	TM: 6608: Mua sách thư viện				
	Mục 7000: Chi nghiệp vụ chuyên môn		0		
	TM: 7001: Chi mua hàng hóa, vật tư				
	TM: 7049: Chi khác				
	Mục 7750: Chi khác				
	TM: 7799: Chi các khoản khác				
1.1.2	Quản lý nhà nước				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ		0		
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
	KP không thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm				
3.2					

Người lập biểu



Nguyễn Thị Hạnh

Ngày 03 tháng 10 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Trung Dũng